

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2020

V/v: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

2. Ông Đặng Tấn Phước.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1989, nơi cư trú: Tổ 20, ấp P, xã P1, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Chí T, sinh năm: 1983, nơi cư trú: tổ 05, ấp P2, ấp P3, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 21/02/2020 bà M, trình bày: Bà và ông T tự tìm hiểu, yêu thương và chung sống cùng với nhau từ năm 2008 có tổ chức đám cưới mà không đăng ký kết hôn, thời gian đầu của hôn nhân được xem là

hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Nguyễn Thúy N, sinh ngày 14/7/2009, hiện đang sống với bà khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn Chí T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà M về tình trạng pháp lý của hôn nhân, thời gian chung sống, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và điều kiện về kinh tế, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn lại được. Nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà M.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ con chung: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà M và đồng ý để cháu Ngân cho bà M tiếp tục nuôi dạy.

Tại phiên tòa hôm nay, cả bà M và ông T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX nghĩ nên cần phải tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo. Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ, tuy nhiên do bà M và ông T không đăng ký kết hôn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà M và ông T là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung hiện nay cháu Ngân đang sống với bà M và bà có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngân và ông T cũng đồng ý. Đề nghị HĐXX xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà M yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà M xin ly hôn với ông T, HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T được xác lập do hai bên tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2011. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng bà M và ông T cho đến thời điểm hiện nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, điều này đã được UBND xã K xác nhận theo văn bản xác nhận **số: 86/UBND ngày 30/5/2019. Căn cứ** vào Điều 9, điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà M và ông T là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Hiện nay cháu Ngân đang sống với bà M khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy điều này là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngân tại bản khai ngày 06/03/2020 và ông T cũng đồng ý, nghĩ nên cần giao cháu Ngân cho bà M được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng, HĐXX công nhận sự tự nguyện của bà M.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà M biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con bà và những người thân trong gia đình phải có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông T đến thăm con chung, không ai cản trở ông T thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà M và ông T xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không xem xét. Tuy nhiên khi bản án hôn nhân có hiệu lực pháp luật, nếu các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 9, Điều 15, Điều 16, Điều 53 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị M với ông Phạm Văn Chí T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà M được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thúy N, sinh năm 2009. Công nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà M và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T đến thăm con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số **0011811 ngày 25/02/2020**).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/4/2020) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND A(2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS A (1);
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng